

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG MỚI HOẶC CẢI TẠO NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, THÂN NHÂN LIỆT SĨ VÀ TỶ LỆ PHÂN BỐ VỐN HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số hộ cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên			Tổng số kinh phí thực hiện chính sách (triệu đồng)	Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp (triệu đồng)					Vốn huy động hợp pháp khác (triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số (hộ)	Số hộ xây dựng mới nhà ở (hộ)	Số hộ cải tạo nhà ở (hộ)		Tổng số (triệu đồng)	Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hộ xây mới nhà ở (60 triệu đồng/hộ)	Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hộ cải tạo nhà ở (30 triệu đồng/hộ)	Vốn ngân sách trung ương (triệu đồng)	Vốn ngân sách địa phương (triệu đồng)		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(12)	(7)=(8)+(9)=(10)+(11)	(8)=60*(4)	(9)=30*(5)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	An Biên	1.061	977	84	61.140	61.140	58.620	2.520	61.140			
2	An Minh	768	532	236	39.000	39.000	31.920	7.080	39.000			
3	Giang Thành	22	6	16	840	840	360	480	840			
4	Gò Quao	939	409	530	40.440	40.440	24.540	15.900	40.440			
5	Hà Tiên	10	3	7	390	390	180	210	390			
6	Hòn Đất	597	352	245	28.470	28.470	21.120	7.350	28.470			
7	Kiên Hải	4	2	2	180	180	120	60	180			
8	Kiên Lương	125	95	30	6.600	6.600	5.700	900	6.600			
9	Rạch Giá	200	80	120	8.400	8.400	4.800	3.600	8.400			
10	Tân Hiệp	41	14	27	1.650	1.650	840	810	1.650			
11	U Minh Thượng	828	710	118	46.140	46.140	42.600	3.540	46.140			
12	Vĩnh Thuận	150	85	65	7.050	7.050	5.100	1.950	7.050			
13	Phú Quốc	30	10	20	1.200	1.200	600	600	1.200			
14	Giồng Riềng	1.709	579	1.130	68.640	68.640	34.740	33.900	68.640			
15	Châu Thành	20	10	10	900	900	600	300	900			
		6.504	3.864	2.640	311.040	311.040	231.840	79.200	311.040	-	-	-